

**KẾ HOẠCH
Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư 152/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2022 của Bộ Trưởng Bộ LĐTB&XH về Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc Hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Trên cơ sở đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 558/TTr-SLĐTBXH ngày 15/8/2023 và Công văn số 4061/SLĐTBXH-QLGDNN ngày 28/8/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đồng thời nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, qua đó nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động trên địa bàn tỉnh; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu:

- Đào tạo nghề gắn với mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế và nhu cầu học nghề;

đảm bảo đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định; người học nghề sau khi học xong thực hiện được kỹ năng nghề đã được đào tạo.

II. NỘI DUNG

1.2 Hỗ trợ đào tạo nghề:

1.1 Số người hỗ trợ học nghề:

Trong năm 2024, số người có nhu cầu hỗ trợ học nghề là **206 người**, cụ thể:

Stt	Nghề đào tạo	Số lớp	Lĩnh vực (lớp)		Số người học	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
			Nông nghiệp	Phi nông nghiệp			
1	Trồng rau an toàn	01	01		16	Sở LĐTB&XH	Người khuyết tật
2	Quản lý nhà hàng khách sạn	01		01	25	UBND H. Côn Đảo	
3	Trồng rau an toàn	01	01		30	UBND TP. Bà Rịa	
4	Vận hành xe nâng	01		01	35	UBND H. Châu Đức	
5	Kỹ thuật trang điểm	01		01	35	UBND H. Châu Đức	
6	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	02	02		65	UBND H. Châu Đức	
Tổng cộng		07	04	03	206		

1.2. Đối tượng được hỗ trợ chính sách đào tạo nghề: Theo khoản 2 mục III của Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh.

1.3. Điều kiện được hỗ trợ học nghề: theo khoản 3 mục III của Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh..

1.4. Mức chi, danh mục nghề hỗ trợ đào tạo: Theo Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

1.5. Tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng

a) Quy mô, phương thức, chương trình đào tạo:

- Quy mô đào tạo nghề: quy mô mỗi lớp học không quá 35 người, bố trí giáo viên giảng dạy thực hành tối đa không quá 18 học viên/01 giáo viên.

- Phương thức đào tạo: đào tạo tập trung theo lớp học đến hết chương trình.

- Hình thức đào tạo: Vận dụng linh hoạt giữa đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đối tượng học nghề tham gia đầy đủ các giờ giảng để phát huy hiệu quả đào tạo.

- Địa điểm tổ chức đào tạo: tổ chức tại cơ sở đào tạo hoặc tại nơi sản xuất hoặc ở địa phương. Lựa chọn địa điểm tổ chức đào tạo phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng lớp

và đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất để bố trí trang thiết bị, nguyên vật liệu để thực hành cho các lớp đào tạo đảm bảo theo quy định.

- Chương trình, giáo trình đào tạo nghề:

+ Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ, trong đó thời gian thực hành tối thiểu chiếm từ 70% thời gian thực học.

+ Chương trình đào tạo dưới 03 tháng: thời gian thực học từ 100 giờ đến dưới 300 giờ, trong đó thời gian thực hành tối thiểu chiếm 80% thời gian thực học.

b) Đơn vị tham gia đào tạo nghề:

Các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã, các Viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... có đủ điều kiện đào tạo nghề nếu có nhu cầu tham gia; cụ thể:

- Cơ sở tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp phải được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đào tạo nghề đối với nghề đào tạo.

- Cơ sở tham gia đào tạo nghề dưới ba tháng phải chuẩn bị đủ các điều kiện để dạy nghề dưới 03 tháng theo quy định. Có chương trình, tài liệu dạy nghề của nghề sẽ tổ chức đào tạo được xây dựng và phê duyệt phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh hoặc quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và điều kiện của người học ở từng vùng; chương trình đào tạo phải xác định rõ thời gian đào tạo và thời gian thực học của từng nghề.

2. Tổ chức tuyên truyền, tư vấn chọn nghề:

- Đối tượng: đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã phụ trách lĩnh vực nông nghiệp nói chung và đào tạo nghề nói riêng và người lao động có nhu cầu học nghề.

- Số lượng: 07 lớp x 50 người = 350 người.

- Nội dung:

+ Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách và quy định pháp luật liên quan đến công tác đào tạo nghề cho người lao động, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đối với lao động nông thôn tham gia học nghề. Qua đó để người dân hiểu rõ về lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm và tích cực tham gia học nghề góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống.

+ Thực hiện tư vấn học nghề và việc làm cho lao động nhằm nâng cao kiến thức, nhận thức; đồng thời giúp người lao động xác định nhu cầu học nghề và lựa chọn nghề học đúng với nhu cầu sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giúp họ có thể giải quyết việc làm sau khi học nghề hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

- Thời gian: 01 ngày/lớp.

- Địa điểm: trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Chi cục PTNT).

3. Kiểm tra, giám sát, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đối với các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị và tổ chức có liên quan.

- Đối với các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp giao Sở Lao động - Thương thực hiện kiểm tra giám sát; đối với các lớp đào tạo nghề nông nghiệp giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát (hình thức: kiểm tra thực tế, đột xuất hoặc theo kế hoạch ít nhất 01 lần/lớp).

- UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cử công chức tham gia kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo trên địa bàn do địa phương đề xuất mở lớp cùng với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện trong năm 2024 là: **780.826.519 đồng** (*Bảy trăm tám mươi triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm mười chín đồng*); trong đó:

- Hỗ trợ đào tạo nghề: 582.700.000 đồng;
- Tuyên truyền, tư vấn học nghề: 115.926.519 đồng;
- Kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề;
tham dự hội nghị, tập huấn (do TW tổ chức): 82.200.000 đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

2. Cơ chế tài chính:

- Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách tỉnh.
- + Các nội dung thực hiện của các sở, ban, ngành được thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.
- + Các nội dung thực hiện của UBND các huyện, thị xã, thành phố: chủ động cân đối ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao để bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách.

- Việc sử dụng kinh phí để tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Huy động thêm nguồn lực của các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Kế hoạch. Các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho hoạt động đào tạo nghề được tính là các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ, sổ sách, biểu mẫu đào tạo nghề:

Hồ sơ biểu mẫu, sổ sách thực hiện theo Thông tư số 42/2015/QĐ-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 Quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề theo Kế hoạch này đối với các địa phương, cơ quan đơn vị và cơ sở đào tạo nghề có liên quan; đôn đốc và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp Sở Tài chính, Sở NT&PTNT hướng dẫn thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo kế hoạch.

- Tiếp nhận kinh phí theo nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ sở đào tạo và đơn vị khác tổ chức đào tạo nghề cho người khuyết tật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tiếp nhận kinh phí và triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức kiểm tra các lớp đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra liên ngành (nếu có).

- Báo cáo định kỳ và đột xuất kết quả thực hiện các nhiệm vụ chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định, yêu cầu;

3. Công an tỉnh: Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với UBND cấp xã tuyên truyền, vận động người chấp hành xong hình phạt tù trở về cư trú tại địa phương tham gia học nghề và hỗ trợ tìm kiếm việc làm thông qua các sàn giao dịch việc làm.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch; Kiểm tra, hướng dẫn thực hiện kinh phí của kế hoạch đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

5. Sở Công thương: Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn và người lao động đang làm việc tại các cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký học nghề với địa phương nơi cơ sở đang hoạt động khi có nhu cầu; Chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị triển khai các hoạt động hỗ trợ tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho người lao động sau đào tạo khi có nhu cầu.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan báo chí, các Đài Phát thanh - Truyền hình cấp huyện, đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch này trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống thông tin cơ sở.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tiếp nhận kinh phí và ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức đào tạo nghề cho người lao động theo thẩm quyền (nếu có chỉ tiêu được phê duyệt tại kế hoạch).

- Chỉ đạo đài truyền thanh của địa phương xây dựng chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thông tin về thị trường lao động, sàn giao dịch việc làm để người lao động biết và tham gia thị trường lao động.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: rà soát tư vấn, thống kê nhu cầu học nghề của người lao động đủ điều kiện học nghề (bao gồm cả người chấp hành xong hình phạt tù trở về cư trú trên địa bàn và người khuyết tật), chịu trách nhiệm xác nhận vào đơn học nghề của người lao động; xác nhận việc học nghề ứng với việc làm, tăng năng xuất lao động hoặc tự giải quyết việc làm sau khi học nghề để các cơ sở đào tạo nghề tổ chức đào tạo nghề cho người lao động; tăng cường tuyên truyền về chính sách đào tạo nghề cho người dân trên địa bàn.

- Báo cáo định kỳ tình hình thực chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch với UBND tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan.

8. Các cơ sở tham gia đào tạo: Phối hợp tổ chức tuyển sinh đào tạo các nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp theo quy định; thực hiện các quy định về biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học; tổ chức kiểm tra, thi và cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận theo quy định hiện hành; phối hợp với UBND cấp xã theo dõi, thống kê tình trạng việc làm và thu nhập với việc làm có được sau khi học nghề.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các Tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân tỉnh, Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh):

- Tổ chức tuyên truyền vận động người lao động, hội viên, đoàn viên là đối tượng được hỗ trợ theo kế hoạch tham gia học nghề.

- Tham gia kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch khi các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện mời làm thành viên.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh về Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp; yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức liên quan chỉ đạo, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh (p/h);
- Công an tỉnh;
- Các Sở: LĐTB&XH, NN&PTNT, KH&ĐT, TC, TT&TT, CT, GD&ĐT, DL, Ban Dân tộc;
- Hội LHPN tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người mù tỉnh; Hội Nạn nhân CĐDC/DIOXIN&BTXH tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX5

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông